

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



..., ngày ... tháng ... năm ...

HỢP ĐỒNG
MUA BÁN ĐIỆN PHỤC VỤ MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Mã hợp đồng..... Mã khách hàng.....

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ngày 20 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Thông tư số 16/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Bộ Công thương về việc hướng dẫn về hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt;

Căn cứ Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;

Căn cứ Nghị định số 18/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực liên quan đến hoạt động mua bán điện và tình huống đảm bảo cung cấp điện.¹

Căn cứ nhu cầu mua điện của Bên mua điện, khả năng cung ứng của Bên bán điện,
Chúng tôi gồm:

Bên bán điện (Bên A):

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:

Email: Website: <https://cskh.evnhcmc.vn>

Mã số thuế:

Tài khoản số: Tại Ngân hàng:

Đại diện là ông (bà): Chức vụ:

*Theo Văn bản ủy quyền số: ngày..... tháng..... năm
của ông (bà) chức vụ²*

[Các bên thống nhất tại Hợp đồng này, Công ty Điện lực/Điện lực là đơn vị trực thuộc của Bên A, được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật, sẽ đại diện cho Bên A chịu trách nhiệm triển khai, quản lý và thực hiện Hợp đồng và có các thông tin cụ thể như sau:

¹ Các bên được bổ sung thêm các căn cứ là văn bản quy định pháp luật ảnh hưởng trực tiếp trong quá trình thực hiện ký kết hợp đồng, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật là căn cứ được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản mới thì cập nhật theo các văn bản mới.

² Áp dụng trong trường hợp đại diện theo ủy quyền.

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Email:

Tài khoản số: Tại Ngân hàng:]³

Bên mua điện (Bên B)⁴.....

Địa chỉ:

Điện thoại:

Email:

Mã số thuế⁵:.....

Tài khoản số: Tại Ngân hàng:⁶

Đại diện là ông (bà)⁷ :

Chức vụ (áp dụng cho tổ chức):

Số định danh cá nhân: Ngày cấp: Nơi cấp:

(Theo Văn bản ủy quyền số: ngày tháng năm
của ông (bà)⁸ Chức vụ (áp dụng cho
tổ chức):)

[Số hộ dùng chung: (danh sách cụ thể đính kèm Hợp đồng này).]⁹

Hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt với những nội dung sau:

Điều 1. Các nội dung cụ thể

1. Hai bên thống nhất áp dụng CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG kèm theo Hợp đồng này.

2. Địa chỉ sử dụng điện:

3. Vị trí xác định chất lượng điện:

4. Vị trí lắp đặt thiết bị đo đếm điện:

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, những người sau đây có thể đại diện Bên B để chứng kiến và ký biên bản treo, tháo, lắp đặt thiết bị đo đếm điện tại thời điểm Bên A treo, tháo, lắp đặt thiết bị đo đếm điện:

a. Chủ thể ký Hợp đồng ☐;

³ Lựa chọn và ghi thông tin cho phù hợp với thực tế của Bên bán điện, trường hợp không phát sinh thì bỏ nội dung này.

⁴ Lựa chọn và ghi thông tin cho phù hợp với thực tế của Bên mua điện là tổ chức/cá nhân/hộ gia đình.

⁵ Thông tin dành cho Bên mua điện là tổ chức.

⁶ Thông tin dành cho Bên mua điện là tổ chức.

⁷ Lựa chọn và ghi thông tin cho phù hợp với thực tế của Bên mua điện (như hộ dùng chung, tổ chức,...), trường hợp không phát sinh thì bỏ nội dung này.

⁸ Lựa chọn và ghi thông tin cho phù hợp với thực tế của Bên ủy quyền trong trường hợp Bên mua điện là tổ chức hoặc nhiều hộ dùng chung ký 01 hợp đồng; đối với đại diện cho các hộ dùng chung có thể có nhiều văn bản ủy quyền hoặc 01 văn bản ủy quyền của nhiều hộ dùng chung tùy theo tình hình thực tế.

⁹ Áp dụng cho trường hợp Bên mua điện là nhiều hộ dùng chung ký 01 hợp đồng.

b. Người được Bên B ủy quyền, bao gồm: Một thành viên khác có đủ năng lực hành vi dân sự trong hộ gia đình/hộ dùng chung Bên B ☐; Người được ủy quyền khác:

5. Ngày ghi chỉ số đo điện năng:

6. Hình thức và thời hạn thanh toán:

a. Áp dụng linh hoạt một hoặc nhiều hình thức thanh toán sau: Trích nợ tự động ☐; Thanh toán điện tử ☐; Chuyển khoản ☐; Qua điểm thu ☐; Hình thức khác:

b. Thời hạn thanh toán tiền điện: ngày kể từ ngày Bên A thông báo thanh toán lần đầu của kỳ thanh toán.

7. Hình thức thông báo, trao đổi thông tin:

Áp dụng linh hoạt một hoặc nhiều hình thức gửi/nhận thông báo thanh toán và thông báo, trao đổi thông tin khác (bao gồm cả việc chậm thanh toán, ngừng hoặc giảm mức cung cấp điện, thay đổi ngày ghi chỉ số đo điện năng, treo, tháo, lắp đặt thiết bị đo đếm điện,...) sau: Email ☐; Điện thoại/SMS ☐; Ứng dụng nhắn tin ☐; Ứng dụng chăm sóc khách hàng của Bên A ☐; Hình thức khác:

Đối với các thông tin đề nghị giữa các bên, nếu không có quy định khác, trong thời gian 07 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị, bên nhận đề nghị phải có sự phản hồi đồng ý hay không đồng ý về đề xuất của bên gửi đề nghị.

8. Mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ Hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm được hai bên thỏa thuận:¹⁰% phần giá trị nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm.

9. Hai bên thỏa thuận lựa chọn một hoặc nhiều phương thức giải quyết tranh chấp sau đây¹¹: Thương lượng ☐; Hòa giải ☐; Trọng tài ☐; Tòa án ☐.

Điều 2. Những thỏa thuận khác

Bằng việc đồng ý giao kết Hợp đồng này, Bên A và Bên B hiểu, đồng ý và cam kết các nội dung sau:

Trường hợp hai bên lựa chọn giao kết Hợp đồng bằng phương thức dữ liệu điện tử thì mã xác thực OTP (One Time Password - mật khẩu dùng một lần) do Bên B sử dụng để đăng nhập tài khoản vào ứng dụng EVNHCMC của Bên A cung cấp được xem là sự chấp thuận của Bên B đối với toàn bộ nội dung điều khoản của Hợp đồng và có hiệu lực thi hành ngay sau khi Bên B xác thực bằng mã OTP.

Điều 3. Thời hạn và hiệu lực của Hợp đồng

1. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm ... [hoặc từ ngày ký Hợp đồng]

2. Thời hạn của Hợp đồng là ... năm kể từ ngày ... tháng ... năm ... [hoặc từ ngày ký Hợp đồng]; hoặc từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ... [hoặc đến ngày Hợp đồng chấm dứt theo thỏa thuận tại Hợp đồng này hoặc theo quy định của pháp luật].¹²

3. Trong thời gian thực hiện, một trong hai bên có yêu cầu chấm dứt Hợp đồng, sửa đổi hoặc bổ sung nội dung đã ký trong Hợp đồng này thì bên yêu cầu phải thông báo cho bên còn lại trước 15 ngày để hai bên cùng nhau giải quyết.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

¹⁰ Hai bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

¹¹ Trong trường hợp hai bên thỏa thuận lựa chọn từ hai phương thức giải quyết tranh chấp trở lên thì trình tự giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật.

¹² Lựa chọn một trong hai cách ghi thời hạn phù hợp.

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu¹³) (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

¹³ Trường hợp Bên B là tổ chức thì phải ký và ghi đầy đủ họ tên, chức vụ và đóng dấu.

CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

(Kèm theo hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt)

Điều 1. Tiêu chuẩn và chất lượng dịch vụ

1. Chất lượng điện năng
 - a. Chất lượng điện năng được xác định tại vị trí theo thỏa thuận trong Hợp đồng;
 - b. Điện áp và tần số phải đảm bảo theo quy định của Bộ Công Thương tại Thông tư quy định hệ thống truyền tải điện, phân phối điện và đo đếm điện năng.
2. Đo đếm điện năng
 - a. Điện năng sử dụng được xác định qua thiết bị đo đếm điện và hệ số nhân của thiết bị đo đếm điện. Hệ số nhân được thể hiện trong biên bản treo, tháo thiết bị đo đếm điện;
 - b. Thiết bị đo đếm điện được kiểm định theo quy định của pháp luật;
 - c. Khi treo, tháo, lắp đặt thiết bị đo đếm điện phải lập biên bản có xác nhận của Bên B phù hợp với nội dung đã thỏa thuận tại Khoản 4, Điều 1 (Các nội dung cụ thể) của Hợp đồng này. Biên bản được thể hiện dưới dạng giấy hoặc dữ liệu điện tử.

Điều 2. Ghi chỉ số đo điện năng, giá điện và thanh toán tiền điện

1. Ghi chỉ số đo điện năng
 - a. Bên A ghi chỉ số đo điện năng mỗi tháng 01 lần vào ngày ấn định, trừ trường hợp bất khả kháng có nguy cơ mất an toàn cho người lao động. Cho phép dịch chuyển thời điểm ghi chỉ số đo điện năng trước hoặc sau 01 ngày so với ngày ấn định hoặc dịch chuyển theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện;
 - b. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Bên A được quyền thay đổi ngày ghi chỉ số đo điện năng hàng tháng đã được ấn định trước đó thông qua thông báo (dưới dạng giấy hoặc dữ liệu điện tử) phù hợp với hình thức đã thỏa thuận tại Khoản 7, Điều 1 (Các nội dung cụ thể) của Hợp đồng này.
2. Giá điện
 - a. Giá bán lẻ điện sinh hoạt thực hiện theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Bên A có trách nhiệm thông báo giá bán lẻ điện sinh hoạt của Bên A cho Bên B trước khi ký Hợp đồng và khi có sự thay đổi giá bán lẻ điện sinh hoạt;
 - b. Khi giá điện thay đổi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì giá điện mới được áp dụng và các bên không phải ký lại Hợp đồng.
3. Thanh toán tiền điện:
 - a. Bên B thanh toán tiền điện cho Bên A mỗi tháng một lần bằng Đồng Việt Nam và phải thanh toán đủ số tiền ghi trong hóa đơn. Tiền điện được thanh toán theo phương thức và thời hạn thanh toán do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện;
 - b. Bên B chậm trả tiền điện phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả cho Bên A tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của ngân hàng Bên A có tài khoản ghi trong Hợp đồng này;
 - c. Trường hợp Bên A thu thừa tiền điện của Bên B do lỗi của Bên A thì Bên A phải hoàn trả lại số tiền thu thừa cho Bên B, kể cả tiền lãi của khoản tiền thu thừa hoặc bù trừ tiền điện thu thừa vào các lần thanh toán tiền điện sau của Bên B. Lãi suất khoản tiền thu thừa bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của ngân hàng Bên B có tài khoản ghi trong Hợp đồng này. Trường hợp Bên B không có thông tin tài khoản ngân hàng thì áp dụng như lãi suất chậm trả tiền điện tại Điểm b, Khoản này.
4. Bên B không trả tiền điện theo thỏa thuận tại Hợp đồng và đã được Bên A thông báo về việc thanh toán tiền điện 02 lần cách nhau không dưới 03 ngày kể từ lần thông báo đầu tiên thì Bên A có quyền ngừng cấp điện. Bên A có quyền ngừng cấp điện không vượt

quá 10 ngày kể từ ngày Bên A thông báo tiền điện lần đầu tiên. Bên A phải thông báo thời điểm ngừng cấp điện cho Bên B trước 24 giờ và không chịu trách nhiệm về thiệt hại do việc ngừng cấp điện gây ra. Sau khi Bên B thanh toán tiền điện và thực hiện đầy đủ thủ tục đề nghị cấp điện trở lại theo quy định của pháp luật về điện lực thì Bên A phải thực hiện cấp điện trở lại theo quy định của pháp luật về điện lực.

5. Quy định về xem xét lại số tiền điện phải thanh toán như sau:

a. Bên B có quyền yêu cầu Bên A xem xét lại số tiền điện phải thanh toán theo một trong các hình thức sau: trực tiếp tại đơn vị bán điện; dịch vụ bưu chính; phương tiện điện tử hoặc hình thức khác do các bên thỏa thuận;

b. Khi nhận được yêu cầu xem xét lại số tiền điện phải thanh toán của Bên B, Bên A có trách nhiệm giải quyết trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không đồng ý với cách giải quyết của Bên A, Bên B có thể đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tổ chức việc hòa giải theo quy định của pháp luật về hòa giải hoặc yêu cầu trọng tài, Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật;

c. Trong thời gian yêu cầu xem xét lại số tiền điện phải thanh toán của Bên B chưa được giải quyết, Bên B vẫn phải thanh toán tiền điện cho Bên A và Bên A không được ngừng cấp điện;

d. Sau khi có kết quả giải quyết tranh chấp về số tiền điện phải thanh toán:

(i) Trường hợp Bên A thu thừa tiền điện thì Bên A phải hoàn trả số tiền thu thừa cho Bên B, kể cả tiền lãi của khoản tiền thu thừa hoặc bù trừ tiền điện thu thừa vào các lần thanh toán tiền điện sau của Bên B. Lãi suất của khoản tiền thu thừa xác định theo quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều này;

(ii) Trường hợp Bên A thu thiếu tiền điện thì Bên A được quyền truy thu tiền điện còn thiếu của Bên B, kể cả tiền lãi của khoản tiền còn thiếu. Lãi suất của khoản tiền thu còn thiếu xác định theo quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều này.

6. Việc xác định tiền điện thanh toán trong các trường hợp thiết bị đo đếm điện không chính xác so với yêu cầu kỹ thuật đo lường quy định, Bên B sử dụng điện trong thời gian hệ thống thiết bị đo đếm điện bị hư hỏng làm cho công tơ điện ngừng hoạt động và Bên B sử dụng điện trong thời gian công tơ điện bị mất theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Điều 3: Ngừng, giảm mức cung cấp điện

1. Các Bên thống nhất rằng Bên A có quyền ngừng, giảm mức cung cấp điện cho Bên B khi có phát sinh các sự kiện dưới đây:

a. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, sự cố mà Bên A không kiểm soát được có nguy cơ làm mất an toàn nghiêm trọng cho người, trang thiết bị hoặc do thiếu nguồn điện đe dọa đến an toàn của hệ thống điện, Bên A được phép ngừng, giảm mức cung cấp điện; Bên A phải thông báo tình trạng cấp điện và thời gian dự kiến cấp điện trở lại cho Bên B trong thời hạn 24 giờ kể từ khi Bên A ngừng, giảm mức cung cấp điện;

b. Khi có nhu cầu sửa chữa, bảo dưỡng hoặc nhu cầu khác theo kế hoạch, Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B biết trước thời điểm ngừng hoặc giảm mức cung cấp điện ít nhất 05 ngày bằng hình thức thông báo được thống nhất trong hợp đồng mua bán điện;

c. Bên B không thanh toán tiền điện quy định tại Khoản 4, Điều 48 Luật Điện lực;

d. Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Luật Điện lực hoặc quy định của luật khác và phải áp dụng biện pháp ngừng cung cấp điện theo quy định của luật đó.

2. Trình tự việc ngừng, giảm mức cung cấp điện thực hiện theo quy định của Bộ Công Thương.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1. Quyền của Bên A:

- a. Yêu cầu Bên B sử dụng điện đúng đối tượng và mục đích, thanh toán tiền điện đầy đủ, đúng thời hạn và thực hiện các thỏa thuận khác theo quy định trong hợp đồng mua bán điện;
- b. Bên A được phép thu chi phí ngừng và cấp điện trở lại theo quy định về phương pháp xác định và mức chi phí ngừng, cấp điện trở lại do Bộ Công thương ban hành.
- c. Yêu cầu Bên B sử dụng điện an toàn, tiết kiệm và hiệu quả; Bảo đảm các trang thiết bị sử dụng điện đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và yêu cầu về an toàn điện, an toàn phòng cháy, chữa cháy;
- d. Được vào khu vực quản lý của Bên B để kiểm tra, ghi chỉ số đo điện năng, thao tác, bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế mới trang thiết bị điện của Bên A và liên hệ với Bên B để giải quyết các vấn đề liên quan đến hợp đồng mua bán điện;
- e. Được bồi thường thiệt hại do Bên B gây ra theo quy định của pháp luật;
- f. Quyền khác theo quy định của Luật Điện lực và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Nghĩa vụ của Bên A:

- a. Cung cấp điện cho Bên B đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng dịch vụ, an toàn theo Hợp đồng, trừ trường hợp lưới điện phân phối bị quá tải theo xác nhận của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về lĩnh vực điện lực;
- b. Bán điện cho Bên B theo đúng số lượng, chất lượng và giá điện đã được thỏa thuận trong Hợp đồng;
- c. Thực hiện ngừng, giảm, khôi phục kịp thời việc cấp điện cho Bên B theo quy định của pháp luật;
- d. Trường hợp Bên A đã tạm ngừng cung cấp điện theo yêu cầu của Bên B, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên B về việc tiếp tục sử dụng điện, Bên A phải cấp điện trở lại cho Bên B sau khi Bên B đã thực hiện đầy đủ thủ tục đề nghị cấp điện trở lại theo quy định của pháp luật;
- e. Trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Bên B về một trong các nội dung sau đây: mục đích sử dụng điện dẫn đến thay đổi giá điện; thay đổi số hộ dùng chung đã đăng ký trong hợp đồng; thay đổi định mức sinh hoạt; có nhu cầu chấm dứt hợp đồng thì Bên A có trách nhiệm kiểm tra và thực hiện sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt theo thỏa thuận tại hợp đồng này hoặc quy định của pháp luật;
- f. Bồi thường khi gây thiệt hại cho Bên B theo quy định của pháp luật;
- g. Kiểm tra chất lượng dịch vụ điện, tính chính xác của thiết bị đo đếm điện, số tiền điện phải thanh toán theo yêu cầu của Bên B;
- h. Cung cấp cho Bên B các thông tin cần thiết liên quan đến dịch vụ bán lẻ điện;
- i. Hướng dẫn cho Bên B về việc lắp đặt, sử dụng hệ thống, thiết bị điện để bảo đảm an toàn; cung cấp thông tin về nguy cơ gây mất an toàn trong sử dụng điện và biện pháp bảo đảm an toàn điện;
- j. Đầu tư công tơ và đường dây dẫn điện từ lưới điện của Bên A đến công tơ cho Bên B, trừ trường hợp có thỏa thuận khác với Bên B;
- k. Kiểm tra việc thực hiện hợp đồng mua bán điện;
- l. Thực hiện các chính sách về bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật: Bảo vệ thông tin của Bên B, không được phép thu thập, sử dụng, chuyển giao thông tin của Bên B cho Bên thứ ba khác khi chưa được sự đồng ý của Bên B;
- m. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Điện lực và quy định khác của pháp luật có

liên quan.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

1. Quyền của Bên B:

- a. Được cung cấp đủ số lượng công suất, điện năng, bảo đảm chất lượng điện đã được thỏa thuận trong Hợp đồng;
- b. Yêu cầu Bên A kịp thời khôi phục việc cấp điện sau khi mất điện;
- c. Được bồi thường thiệt hại do Bên A gây ra theo quy định của pháp luật;
- d. Yêu cầu Bên A kiểm tra chất lượng dịch vụ điện, tính chính xác của thiết bị đo đếm điện, số tiền điện phải thanh toán;
- e. Được Bên A cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến dịch vụ bán lẻ điện, các hướng dẫn về an toàn điện và đồng ý tuân thủ các hướng dẫn, các quy định về an toàn điện;
- f. Được lựa chọn bên bán điện trong thị trường bán lẻ điện cạnh tranh;
- g. Được phản ánh, thắc mắc, khiếu nại... qua một trong các hình thức Bên A đang cung cấp: (i) điện thoại 1900545454, (ii) email cskh@hcmpec.com.vn, (iii) website <https://cskh.evnhcmc.vn>. Sau khi tiếp nhận, các yêu cầu phải được Bên A phân loại, chuyển đến các bộ phận trực tiếp để liên hệ, giải quyết đúng thời gian quy định;
- h. Quyền khác theo quy định của Luật Điện lực và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Nghĩa vụ của Bên B:

Trong phạm vi Hợp đồng này, Bên B không được thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động điện lực và sử dụng điện theo quy định tại Điều 9 Luật Điện lực và các quy định pháp luật liên quan, đồng thời có các nghĩa vụ sau:

- a. Thanh toán tiền điện đầy đủ, đúng thời hạn và thực hiện các thỏa thuận khác trong hợp đồng mua bán điện;
- b. Sử dụng điện an toàn, tiết kiệm và hiệu quả; Bảo đảm đường dây dẫn điện sau công tơ đến nơi sử dụng điện, các trang thiết bị sử dụng điện đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và yêu cầu về an toàn điện, an toàn phòng cháy, chữa cháy,... theo quy định tại Luật Điện lực;
- c. Sử dụng dịch vụ truyền tải điện, phân phối điện, điều độ hệ thống điện, điều hành giao dịch thị trường điện phù hợp với từng cấp độ thị trường điện cạnh tranh;
- d. Thông báo cho Bên A trước 15 ngày trong trường hợp thay đổi mục đích sử dụng điện dẫn đến thay đổi giá điện; thông báo ngay cho Bên A khi thay đổi số hộ dùng chung đã đăng ký trong hợp đồng; thay đổi định mức sinh hoạt; có nhu cầu chấm dứt hợp đồng;
- e. Thông báo cho Bên A biết trước 05 ngày kể từ ngày có nhu cầu tạm ngừng sử dụng điện liên tục trên 06 tháng; thông báo ngay cho Bên A khi Bên B không còn quyền sở hữu, quản lý, sử dụng hợp pháp địa điểm sử dụng điện;
- f. Thông báo kịp thời cho Bên A khi phát hiện những hiện tượng bất thường có thể gây mất điện, mất an toàn cho người và tài sản;
- g. Tạo điều kiện để Bên A kiểm tra, sửa chữa, ghi chỉ số đo điện năng, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và thay thế hệ thống đo đếm điện, trang thiết bị điện và liên hệ với Bên B;
- h. Đầu tư đường dây dẫn điện sau công tơ đến nơi sử dụng điện, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Điều 17 Luật Điện lực; thiết kế hệ thống điện trong công trình thuộc phạm vi quản lý đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật;
- i. Không trộm cắp điện dưới mọi hình thức. Trường hợp có hành vi trộm cắp điện, Bên B sẽ phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc pháp luật về hình sự và nếu gây ra thiệt hại khác cho Bên A thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật về dân sự;

j. Bồi thường khi gây thiệt hại cho Bên A theo quy định của pháp luật;
k. Bảo vệ công tơ điện đặt trong phạm vi quản lý của mình theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện; không được tự ý tháo gỡ, di chuyển công tơ điện. Khi có nhu cầu di chuyển công tơ điện sang vị trí khác, phải được sự đồng ý của Bên A và phải chịu chi phí di chuyển;

l. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Điện lực và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm Hợp đồng

1. Các hành vi vi phạm Hợp đồng:

a. Các hành vi vi phạm của Bên A:

Không bảo đảm chất lượng điện năng quy định tại Điều 1 (Các điều khoản chung) của Hợp đồng này, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật về dân sự; ghi sai chỉ số đo điện năng, tính sai tiền điện trong hóa đơn; khi Bên B có văn bản đề nghị và đáp ứng đủ điều kiện về việc tăng số hộ dùng chung mà Bên A không thực hiện điều chỉnh; thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ các nghĩa vụ được quy định tại Điều 4 Hợp đồng này; các hành vi khác vi phạm các quy định pháp luật về mua bán điện.

b. Các hành vi vi phạm của Bên B:

Sử dụng điện sai mục đích có mức giá cao hơn mức giá đã thỏa thuận trong Hợp đồng; chậm trả tiền điện theo quy định của pháp luật; khi giảm số hộ dùng chung mà không thông báo cho Bên A, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ các nghĩa vụ được quy định tại Điều 5; các hành vi khác vi phạm các quy định về mua bán điện.

2. Bồi thường thiệt hại:

a. Khi Bên A có các hành vi vi phạm tại Điểm a, Khoản 1, Điều này và gây ra thiệt hại cho Bên B thì Bên A phải bồi thường;

b. Khi Bên B có các hành vi vi phạm tại Điểm b, Khoản 1, Điều này và gây ra thiệt hại cho Bên A thì Bên B phải bồi thường;

c. Việc xử lý trách nhiệm bồi thường thiệt hại được áp dụng theo quy định của pháp luật.

3. Phạt vi phạm Hợp đồng:

Ngoài việc bồi thường thiệt hại quy định tại Khoản 2, Điều này các bên bị phạt vi phạm Hợp đồng như sau:

a. Khi Bên A có các hành vi vi phạm tại Điểm a, Khoản 1, Điều này và gây ra thiệt hại cho Bên B thì Bên A bị phạt vi phạm nghĩa vụ Hợp đồng với mức phạt do hai bên thỏa thuận quy định tại Khoản 8, Điều 1 (Các nội dung cụ thể) của Hợp đồng này;

b. Khi Bên B có các hành vi vi phạm tại Điểm b, Khoản 1, Điều này và gây ra thiệt hại cho Bên A thì Bên B bị phạt vi phạm nghĩa vụ Hợp đồng với mức phạt do hai bên thỏa thuận quy định tại Khoản 8, Điều 1 (Các nội dung cụ thể) của Hợp đồng này.

Điều 7. Bất khả kháng

1. Những trường hợp được coi là sự kiện bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn: động đất, lũ lụt, hạn hán, cháy nổ, dịch bệnh, thảm họa, thiên tai, chiến tranh, khủng bố, đình công hoặc những sự kiện không thể lường trước và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, dẫn đến việc không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng.

2. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, không Bên nào phải chịu trách

nhiệm đối với bất cứ sự chậm trễ hay vi phạm nào trong việc thực hiện bất cứ nội dung nào của Hợp đồng này trong trường hợp những chậm trễ hay vi phạm đó gây ra bởi sự kiện bất khả kháng. Tuy nhiên, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tìm mọi biện pháp để hạn chế tối đa sự ảnh hưởng của sự kiện bất khả kháng và phải tích cực thực hiện các phần công việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng.

Điều 8. Giải quyết tranh chấp

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các thỏa thuận trong Hợp đồng, bên nào vi phạm sẽ bị xử lý theo thỏa thuận tại Hợp đồng này và quy định của pháp luật.

2. Trường hợp phát sinh tranh chấp, hai bên giải quyết tranh chấp theo phương thức đã được hai bên thỏa thuận tại Khoản 9, Điều 1 (Các nội dung cụ thể) của Hợp đồng này theo quy định của pháp luật về Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và pháp luật về Điện lực.

Điều 9. Chấm dứt Hợp đồng

1. Hợp đồng sẽ chấm dứt theo một trong các căn cứ dưới đây:

a. Kết thúc thời hạn Hợp đồng mà các bên không thỏa thuận gia hạn;

b. Các bên thỏa thuận về việc chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn;

c. Bên A được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng khi Bên B không còn đáp ứng đủ điều kiện ký kết hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt hoặc Bên B có hành vi vi phạm Hợp đồng mà không khắc phục hoặc Bên B không sử dụng điện quá 06 tháng liên tục mà không thông báo trước cho Bên A.

2. Trách nhiệm của các Bên do chấm dứt thực hiện hợp đồng:

a. Bên A gửi thông báo cho Bên B về thời điểm ngừng cấp điện, phục vụ việc chấm dứt Hợp đồng và ngừng cấp điện tại thời điểm đã thông báo trước đó. Bên A xác định chỉ số đo điện năng, sản lượng điện đã giao nhận, lập và phát hành hoá đơn cho Bên B;

b. Bên B thực hiện thanh toán toàn bộ tiền điện phát sinh theo Hợp đồng tính đến thời điểm ngừng cấp điện;

c. Hợp đồng chấm dứt sau khi các bên hoàn tất các nghĩa vụ theo quy định tại Điểm a và Điểm b, Khoản 2, Điều này.